

Số: 19/2025/BC-TD

Biên Hòa, ngày 03 tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học: 2024-2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học cơ sở Toàn Diện

2. Địa chỉ: K3/71B, khu phố Bửu Hòa 5, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Email: c2.toandien@bienhoa.edu.vn

- Website: <https://toandien.edu.vn>

3. Loại hình: Trường tư thục

4. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: Ông Phạm Văn Nam

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Số điện thoại: 0913872450

- Email: pvn2k11@gmail.com

5. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập

- Quyết định số 3201/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa về việc cho phép thành lập trường Trung học cơ sở Toàn Diện.

- Quyết định số 188/QĐ-PGDĐT ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Biên Hòa về việc cấp phép hoạt động giáo dục đối với trường trung học cơ sở tư thục Toàn Diện.

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường và danh sách thành viên Hội đồng trường: Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa về việc công nhận Hội đồng trường và Chủ tịch Hội đồng trường THCS Toàn Diện nhiệm kỳ 2022-2027.

c) Quyết định công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng:

- Quyết định số 2852/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa về việc công nhận Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở Toàn Diện.

- Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa về việc công nhận Phó Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở Toàn Diện thành phố Biên Hòa.

d) Trách nhiệm của Ban giám hiệu.

- Hiệu trưởng: Phạm Văn Nam

- + Duyệt các văn bản trước khi gửi thư điện tử email đến các cơ quan đơn vị và cấp trên.
- + Phụ trách công tác tổ chức của nhà trường.
- + Phụ trách chung hoạt động các đoàn thể trong nhà trường.
- + Xây dựng kế hoạch giáo dục đề trình Hội đồng trường phê duyệt và tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học.
- + Quản lý giáo viên, nhân viên, học sinh.
- + Chỉ đạo quản lý chuyên môn, phân công công tác, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên, nhân viên.
- + Chỉ đạo quản lý và tổ chức giáo dục học sinh.
- + Ký duyệt học bạ của học sinh.
- + Các vấn đề liên quan đến học sinh: chuyển đi, chuyển đến, kỷ luật, khen thưởng,...).
- + Tổ chức đánh giá, xếp loại thi đua giáo viên, đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên.
- + Dự sinh hoạt chuyên môn các tổ khối.
- + Thành lập hội đồng ra đề kiểm tra, tổ chức kiểm tra và chấm kiểm tra các kỳ kiểm tra định kỳ.
- + Trưởng Ban công nghệ thông tin trong trường học; Trưởng ban Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của Trường;
- + Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và các quyết định của hội đồng trường trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.
- + Theo dõi, chịu trách nhiệm báo cáo việc tổ chức các hoạt động trong nhà trường: báo cáo sau ngoại khóa, báo cáo tổng kết năm học,...
- + Theo dõi công tác xây dựng Công đoàn cơ sở tại đơn vị.
- + Trưởng ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ.
- + Thực hiện và chịu trách nhiệm về tổ chức giáo dục đạo đức, văn nghệ, TDTT, An toàn giao thông, Phòng chống ma túy, vệ sinh môi trường.
- + Chịu trách nhiệm công tác bán trú, y tế học đường.

- Phó hiệu trưởng: Lê Thị Thùy Dung

- + Chịu trách nhiệm điều hành công việc do Hiệu trưởng phân công, cụ thể như sau:
- + Phụ trách công tác chuyên môn, sắp xếp thời khóa biểu các khối lớp.
- + Tham gia kiểm tra toàn diện chuyên môn.
- + Các vấn đề liên quan đến học sinh: chuyển đi, chuyển đến, kỷ luật, khen thưởng,...).
- + Thành viên Ban chỉ đạo một số lĩnh vực do Hiệu trưởng phân công.
- + Xây dựng kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục trong nhà trường.
- + Thực hiện thống kê báo cáo các loại biểu mẫu chuyên môn.

- + Chịu trách nhiệm ra đề kiểm tra các kỳ kiểm tra định kỳ.
- + Thực hiện các kỳ kiểm tra có liên quan đến chuyên môn.
- + Dự sinh hoạt chuyên môn khi Hiệu trưởng phân công; dự sinh hoạt chuyên môn với tổ chuyên môn của Phó Hiệu trưởng.
- + Thực hiện một số nhiệm vụ khác khi Hiệu trưởng phân công.
- Chịu trách nhiệm cá nhân về các lĩnh vực mình được phụ trách và cùng Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước cấp trên về phần việc được giao.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Chuẩn nghề nghiệp				BDTX	Chưa hoàn thành
			TS	Ths	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Hoàn thành	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	24	0	0	22	00	01	01	06	14				
I.	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	18							05	13			18	0
1	Toán	3			3					3			3	
2	KHTN	3			3				1	1			3	
3	Công nghệ	1			1				1				1	
4	Tin học	1			1				1				1	
5	Ngữ văn	2			2					2			2	
6	Lịch sử	1			1				1				1	

	- Địa lí													
7	Tiếng Anh	4			4					4			4	
8	GDCD	1			1					1			1	
9	Nghệ thuật (Âm nhạc)	1			1				1				1	
10	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	1			1					1			1	
11	Giáo dục thể chất	1			1					1			1	
II	Cán bộ quản lý								1	1				
1	Hiệu trưởng	1			1				1				1	
2	Phó hiệu trưởng	1			1					1			1	
III	Nhân viên													
1	Nhân viên văn thư kiêm bảo vệ	1						1						
2	Nhân viên kế toán	1			1									
3	Thủ quỹ	1			1									
4	Nhân	1					1			1				

	viên y tế													
5	Nhân viên thư viện	1			1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0												
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật													
8	Nhân viên công nghệ thông tin													
9	Nhân viên phục vụ	1					1							

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin về cơ sở vật chất

STT	Nội dung	Số lượng
I	Số phòng học	08
II	Loại phòng học	
1	Phòng học kiên cố	08
2	Phòng học bán kiên cố	0
3	Phòng học tạm	0

4	Phòng học nhờ	0
5	Số Phòng học bộ môn	02
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	
7	Bình quân lớp / phòng học	0,5
8	Bình quân học sinh / lớp	20
III	Số điểm trường	01
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	1307,4
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1049,34
VI	Diện tích các phòng (m²)	414
1	Diện tích phòng học (m ²)	36
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	36
3	Diện tích thư viện (m ²)	36
4	Diện tích nhà tập đa năng (m ²)	
5	<i>Diện tích phòng hoạt động Đoàn, Đội (m²)</i>	18
VII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập	21

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường

a) Danh mục sách giáo khoa lớp 6

TT	Tên sách, bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng; Bùi Văn Nghị (đồng tổng chủ biên), Vũ Quốc Chung, Trần Đức Huyền (đồng Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Hắc Hải, Nguyễn Văn Hiền, Chu Thu Hoàn, Lê Văn Hồng, Đặng Thị Thu Huệ, Ngô Trần Luận, Huỳnh Ngọc Thanh, Chu Cẩm Thơ, Phạm Thị Diệu Thùy, Nguyễn Đăng Trí Tín	Nhà xuất bản Giáo dục
2	Ngữ văn (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam (Chủ biên), Trần Lê Duy, Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Thị Ngọc Thúy	Nhà xuất bản Giáo dục

3	Khoa học tự nhiên (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Trần Thị Kim Ngân, Phạm Thị Hương, Nguyễn Thị Nhị, Trần Ngọc Thắng	Nhà xuất bản Giáo dục
4	Lịch sử và Địa lí (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Kim Hồng (Tổng chủ biên phần Địa lí), Hà Bích Liên (Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Thị Bình (Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trà My, Mai Thị Phú Phương, Nguyễn Kim Tường Vy, Hà Văn Thắng, Nguyễn Hữu Bách, Huỳnh Phẩm Dũng Phát, Phan Văn Phú, Nguyễn Thị Kim Liên, Vũ Thị Bắc, Phạm Đỗ Văn Trung	Nhà xuất bản Giáo dục
5	Giáo dục thể chất (Chân trời sáng tạo)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng chủ biên), Lưu Trí Dũng (Chủ biên), Lê Minh Chí, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thiên Lý, Lâm Thanh Minh, Lê Văn Quan, Phạm Thái Vinh	Nhà xuất bản Giáo dục
6	Công nghệ (Chân trời sáng tạo)	Bùi Văn Hồng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Trần Văn Sỹ	Nhà xuất bản Giáo dục
7	Âm nhạc (Chân trời sáng tạo)	Môn Âm nhạc: Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Hào (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Đăng Bửu, Nguyễn Thị Ái Chiêu, Nghiêm Thị Hồng Hà, Trần Vĩnh Khương, Trần Đức Lâm, Phạm Gia Hoàng My, Lương Minh Tân.	Nhà xuất bản Giáo dục
8	Mĩ thuật (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng tổng chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Quách Thị Ngọc An, Nguyễn Dương Hải Đăng, Nguyễn Đức Giang, Phạm Ngọc Mai, Trần Đoàn Thanh Ngọc, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân	

9	Tin học (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai	Nhà xuất bản Giáo dục
10	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp (Chân trời sáng tạo)	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng chủ biên), Vũ Đình Bảy, Trần Thị Quỳnh Trang (đồng Chủ biên), Trần Minh Hương, Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Phương Liên, Trần Bảo Ngọc, Lại Thị Yên Ngọc, Vũ Thành Thủy, Phạm Đình Văn	Nhà xuất bản Giáo dục
11	Giáo dục công dân (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ	Nhà xuất bản Giáo dục
12	Tiếng Anh (Tiếng Anh tập một và hai)	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục

b) Danh mục sách giáo khoa lớp 7

TT	Tên sách, bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán (Chân trời sáng tạo)	Tập 1: Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền (Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiễn, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh. Tập 2: Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền (Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiễn, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
2	Ngữ văn (Chân trời sáng tạo)	Tập 1: Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Trần Lê Duy, Phan Mạnh Hùng, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân. Tập 2: Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

		Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thị Ngọc Thúy.	
3	Khoa học tự nhiên (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Đức Hiệp, Tống Xuân Tám (đồng Chủ biên), Nguyễn Công Chung, Trần Hoàng Hương, Phạm Thị Hương, Phạm Thị Lịch, Trần Thị Kim Ngân, Trần Hoàng Nghiêm, Lê Cao Phan, Trần Ngọc Thắng, Nguyễn Tấn Trung.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí (Chân trời sáng tạo)	Hà Bích Liên, Mai Thị Phú Thương (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Trần Văn Nhân, Nguyễn Kim Tường Vy, Nguyễn Trà My, Hồ Thanh Tâm, Nguyễn Đức Hòa, Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Vũ Thị Bắc, Trần Thị Ngọc Điệp, Nguyễn Hà Quỳnh Giao, Hoàng Thị Kiều Oanh, Huỳnh Phẩm Dũng Phát, Phạm Đỗ Văn Trung.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục thể chất (Chân trời sáng tạo)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng chủ biên), Lưu Trí Dũng (Chủ biên), Lê Minh Chí, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thiên Lý, Lâm Thanh Minh, Trần Thái Ngọc, Phạm Thái Vinh.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
6	Công nghệ (Chân trời sáng tạo)	Bùi Văn Hồng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Chiêm, Nguyễn Tiến Lực, Quách Văn Thiêm, Nguyễn Thị Thúy.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
7	Nghệ thuật (Âm nhạc) (Chân trời sáng tạo)	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hảo (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Đăng Bửu, Trần Đức Lâm, Phạm Gia Hoàng My.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
8	Nghệ thuật (Mĩ thuật tập 1) (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Nguyễn Đức Giang, Võ Thị Nguyên, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

9	Tin học (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Bùi Việt hà, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
10	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp bản 1 (Chân trời sáng tạo)	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Trần Bảo Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục công dân (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Mai Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

c) Danh mục sách giáo khoa lớp 8

TT	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (Đồng Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiên, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Ngữ văn (Chân trời)	Tập 1: Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê	Nhà xuất bản Giáo

	sáng tạo)	Duy, Phan Mạnh Hùng, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy. Tập 2: Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân.	dục Việt Nam
3	Tiếng Anh (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Nguyễn Thụy Phương Lan, Trần Thị Hiếu Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Tin học (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai, Nguyễn Thị Hoài Nam.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Công nghệ (Chân trời sáng tạo)	Bùi Văn Hồng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Lương, Nguyễn Thị Thúy, Trương Minh Trí, Phạm Huy Tuân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Nghệ thuật (Mĩ thuật bản 1) (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Nguyễn Dương Hải Đăng, Đỗ Thị Kiều Hạnh, Nguyễn Đức Sơn, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Nghệ thuật (Âm nhạc) (Chân trời sáng tạo)	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hảo (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Thị Ái Chiêu, Trần Đức Lâm, Lương Minh Tân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất (Chân trời sáng tạo)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng chủ biên), Lưu Trí Dũng (Chủ biên), Lê Minh Chí, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thiên Lý, Lê Phước Thật, Nguyễn Thị Thủy Trâm, Phạm Thái Vinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

9	Khoa học tự nhiên (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Vũ Trọng Rỹ (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Lê Trọng Huyền, Nguyễn Thế Hưng, Nguyễn Xuân Thành, Bùi Gia Thịnh, Nguyễn Thị Thuần, Mai Thị Tình, Vũ Thị Minh Tuyền, Nguyễn Văn Vịnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Giáo dục công dân (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Lịch sử và Địa lí (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Phan Văn Phú (Chủ biên phần Địa lí), Trần Ngọc Điệp, Tạ Đức Hiếu, Hoàng Thị Kiều Oanh, Huỳnh Phẩm Dũng Phát, Phạm Đỗ Văn Trung, Hà Thị Bích Liên (Chủ biên phần Lịch sử), Lê Phụng Hoàng, Nhữ Thị Phương Lan, Trần Viết Ngạc, Trần Văn Nhân, Nguyễn Văn Phượng, Hồ Thanh Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp bản 1 (Chân trời sáng tạo)	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng Chủ biên), Lại Thị Yến Ngọc (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

d) Danh mục sách giáo khoa lớp 9

TT	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Hiền, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh, Nguyễn Đặng Trí Tín.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Ngữ văn (Chân trời sáng tạo)	Tập 1: Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

	sáng tạo)	Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân. Tập 2: Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Phan Mạnh Hùng, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân.	dục Việt Nam
3	Tiếng Anh	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Tin học (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Công nghệ (Cánh diều - Mô đun Chế biến thực phẩm)	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Lan Hương (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Lan, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản – Thiết bị Giáo dục Việt nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh)
4	Mỹ thuật bản 1 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị May (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Nguyễn Văn Bình, Đào Thị Hà, Trần Đoàn Thanh Ngọc.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Âm nhạc (Chân trời sáng tạo)	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hào (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Thị Ái Chiêu, Trần Đức Lâm,	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		Lương Minh Tân.	Nam	
6	Giáo dục thể chất (Chân trời sáng tạo)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng chủ biên), Lưu Trí Dũng (Chủ biên), Lê Minh Chí, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thiên Lý, Lê Phước Thật, Nguyễn Thị Thủy Trâm, Phạm Thái Vinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
8	Khoa học tự nhiên (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Đức Hiệp, Tống Xuân Tám (đồng Chủ biên), Nguyễn Công Chung, Trần Hoàng Dương, Phạm Thị Hương, Trần Hoàng Nghiêm, Lê Cao Phan, Hoàng Vĩnh Phú, Nguyễn Tấn Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
10	Giáo dục công dân (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
11	Lịch sử và Địa lí (Chân trời sáng tạo)	Hà Bích Liên, Hồ Thanh Tâm (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Lê Phụng Hoàng, Nhữ Thị Phương Lan, Nguyễn Trà My, Trần Viết Ngạc, Nguyễn Văn Phụng, Nguyễn Kim Tường Vy; Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Huỳnh Phẩm Dũng Phát (Chủ biên phần Địa lí), Trần Ngọc Điệp, Nguyễn Hà Quỳnh Giao, Tạ Đức Hiếu, Hoàng Thị Kiều Oanh, Trần Quốc Việt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
12	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp bản 1 (Chân trời sáng tạo)	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên (Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên, Lại Thị Yên Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

TT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	63	11	16	22	14
1	Tốt (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	63 (100%)	11 (100%)	16 (100%)	22 (100%)	14 (100%)
2	Khá (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
3	Đạt (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
4	Chưa đạt (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	63	11	16	22	14
1	Tốt (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	37 (58,73%)	07 (63,64%)	11 (68,75%)	12 (54,55%)	07 (50%)
2	Khá (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	26 (41,27%)	04 (36,36%)	05 (31,25%)	10 (45,45%)	07 (50%)
3	Đạt (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
4	Chưa đạt (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	63 (100%)	11 (100%)	16 (100%)	22 (100%)	14 (100%)
a	Học sinh xuất sắc (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	15 23,81%	02 (18,18%)	04 (25%)	06 (27,27%)	03 (21,43%)
b	Học sinh giỏi (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	22 34,92%	05 (45,45%)	07 (43,75%)	06 (27,27%)	04 (28,57%)
2	Thi lại/Học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn trong kỳ nghỉ hè (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
3	Lưu ban (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
4	Chuyên trường đi (<i>tỷ</i>	6	1	3	2	0

	<i>lệ so với tổng số)</i>	(9,5%)	(14,2%)	(18,8%)	(9,1%)	(0%)
5	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	10 (15,9%)	0 (0%)	4 (25%)	5 (22,7%)	1 (7,1%)
6	Bị đuổi học	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
IV	Số học sinh dự xét tốt nghiệp					14
V	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					14
VI	Số học sinh học THPT, trường nghề					
1	Trường THPT công lập					06 (42,86%)
2	Trường THPT ngoài công lập					04 (28,57%)
3	Các trường Cao đẳng, Trung cấp nghề					04 (28,57%)
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	48/15	9/2	10/6	18/4	11/3
VIII	Số học sinh dân tộc thiểu số	03	0	0	03	0

Nơi nhận:

- Cán bộ quản lý;
- Website của Trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Văn Nam